SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM Y TẾ MƯỜNG LAY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 723/YCBG-TTYT

Mường Lay, ngày 28 tháng 10 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP, ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP, ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trung tâm Y tế Mường Lay có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng kế hoạch, tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung ứng sinh phẩm chẩn đoán invitro, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế giai đoạn 2026-2028 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Mường Lay; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, Phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên;

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Vũ Thị Hường
- Chức vụ: Trưởng Khoa dược - Trang thiết bị - Vật tư Y tế.
- Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên;
- Số điện thoại: 0948022126;
- Địa chỉ email: vuthihuong0751983@gmail.com.

3. Cách tiếp nhận báo giá qua một trong các hình thức sau:

- Nhận qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Nhận trực tiếp hoặc qua đường công văn tại địa chỉ: Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế, Trung tâm Y tế Mường Lay, tổ dân phố 5, phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên.
- Nhận qua email: khoaduocml@gmail.com hoặc nhận qua ứng dụng Zalo.

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể tham gia báo giá theo từng phần (khoản/mục). Hàng hóa chào giá phải đáp ứng cơ bản yêu cầu kỹ thuật tham khảo tại Phụ lục 1 hoặc có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

Được quét bằng CamScanner

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Tối thiểu 10 ngày kể từ ngày Yêu cầu báo giá này được đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 349/2026/NĐ-CP). Các báo giá nộp muộn sau thời gian quy định trên sẽ không được xem xét chấp thuận.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá trên hệ thống.

6. Mẫu báo giá: Theo mẫu phụ lục 2 đính kèm Yêu cầu báo giá này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa theo phụ lục 1 chi tiết kèm theo.

2. Địa điểm giao, nhận hàng: Trung tâm Y tế Mường Lay; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên;

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 24 tháng

4. Dự kiến thực hiện đấu thầu: Quý IV năm 2026

5. Các thông tin khác: Không

Kính mong các nhà thầu có nguyện vọng tham gia gửi báo giá đến Trung tâm Y tế Mường Lay theo yêu cầu báo giá trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Trang thông tin điện tử của TTYTML;
- Lưu: VT, KD-TTB-VTYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRUNG TÂM Y TẾ MƯỜNG LAY

Tao Thị Hồng Vân

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục 1

DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 723/YCBG-TTYT ngày 28/10/2026 của Trung tâm Y tế Mường Lay)

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
I.	PHẦN 1. SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN INVITRO				
1	SP.26.28.01	Test nhanh chẩn đoán HIV	- Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: ≥ 99,75%. - Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm ≥ 60 phút. - Không cần sử dụng thêm dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Sản xuất tại các nước thuộc G7.	Test	1.200
2	SP.26.28.02	Test nhanh chẩn đoán HIV	- Phát hiện sự có mặt của kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Độ nhạy: ≥ 99,5%, độ đặc hiệu: ≥ 99,8%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	200
3	SP.26.28.03	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	"- Độ nhạy ≥ 98%, độ đặc hiệu ≥ 99%. - Giới hạn phát hiện ≤ 0,1 IU/ml. - Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm ≥ 30 phút. - Không cần sử dụng thêm dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	1.200
4	SP.26.28.04	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	"- Phát hiện kháng thể kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người. - Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: ≥ 99,5%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	800
5	SP.26.28.05	Test nhanh phát hiện kháng thể virus HIV	- Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng virus HIV-1 (bao gồm nhóm O) và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. - Độ nhạy ≥ 99,8%, độ đặc hiệu ≥ 99,8%. - Thể tích mẫu: ≤ 10 µL huyết thanh/huyết tương, ≤ 20 µL máu toàn phần. - Thời gian đọc kết quả ≤ 20 phút - Sinh phẩm phải được Bộ Y tế Việt Nam cấp phép lưu hành và nằm trong danh sách WHO Prequalification hoặc tương đương. - Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	600
6	SP.26.28.06	Test nhanh phát hiện ma túy 5 chân	- Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu. Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP ≥ 300 ng/mL; Codein ≥ 300 ng/mL; Heroin (6-MAM) ≥ 10 ng/mL; AMP ≥ 1000ng/ml ; THC ≥ 50 ng/ml. - Độ lặp lại ≥ 75% chính xác ở mức ± 25% cut-off; 100% chính xác ở mức âm tính và ± 50% cut-off - Độ chính xác tương đồng GC/MS: MOP ≥ 95%; AMP ≥ 98%; THC ≥ 98%; Heroin ≥ 98%; Codeine ≥ 95% - Độ chính xác tương đồng kít thương mại: MOP ≥ 99,9%; AMP ≥ 99,9%; THC ≥ 99,9%; Codeine ≥ 99,9%. - Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức từ 1.005-1.045, độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không có ảnh hưởng đến kết quả của test. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương. - Sản xuất tại các nước thuộc G7.	Test	1.500

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
7	SP.26.28.07	Test thử nước tiểu 11 thông số	"- Tương thích với máy Combostik R300. - Các thông số đo được: Ascorbic Acid (ASC/ASA), Glucose (GLU), Bilirubin (BIL), Ketone (KET), Specific Gravity (SG), Blood (BLO), pH, Protein (PRO), Urobilinogen (URO), Nitrite (NIT), Leukocytes (LEU) - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test	7.000
II	PHẦN 2. VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ				
1	VT.26.28.01	Băng bột bó 15cm x 2,7m	- Được làm từ bột thạch cao y tế liền gạc; vỏ bằng giấy bạc chống ẩm, có lõi bằng nhựa (hoặc tương đương). - Kích thước: ≥ 15cm x 2,7m; - Thời gian đông kết: Từ 2 - 4 phút; không gây kích ứng da, không bị nứt gãy sau khi bó. - Sản phẩm sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	200
2	VT.26.28.02	Băng bột bó 20cm x 2,7 m	- Được làm từ bột thạch cao y tế liền gạc; vỏ bằng giấy bạc chống ẩm, có lõi bằng nhựa (hoặc tương đương). - Kích thước: ≥ 20cm x 2,7m. - Thời gian đông kết từ 2 - 4 phút; không gây kích ứng da, không bị nứt gãy sau khi bó. - Sản phẩm sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	260
3	VT.26.28.03	Băng cuộn 15cm x 5m	- Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton, không chứa độc tố. - Kích thước ≥ 15cm x 5m - Có độ thấm hút cao, tốc độ hút nước ≤ 5 giây. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	2.600
4	VT.26.28.04	Băng dính lụa y tế 5cm x 5m	- Sản phẩm được làm bằng vải lụa đan dệt, an toàn cho người sử dụng. - Kích thước: ≥ 5cm x 5m. - Sản phẩm sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	700
5	VT.26.28.05	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt	- Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt. Kích thước: ≥ 2,4cm x 55m. - Giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng. - Thành phần gồm: Giấy, chất bám dính, Acrylic Polymer, mực chỉ thị. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	8
6	VT.26.28.06	Bộ đồng hồ đo lưu lượng khí oxy và tạo ẩm	- Được dùng để điều chỉnh, đo lưu lượng khí oxy và tạo ẩm khí oxy từ nguồn cấp trước khi đưa vào đường thở của bệnh nhân. - Bao gồm: Đồng hồ đo lưu lượng (có cột chỉ thị và van điều chỉnh lưu lượng), bình tạo ẩm (bằng nhựa chuyên dùng y tế, có vạch chia mực nước) và bộ phận kết nối tiêu chuẩn (hoặc tương đương). - Thân bộ điều áp làm bằng chất liệu kim loại cao cấp chống gỉ; áp lực đầu vào, phạm vi đo lưu lượng phù hợp với tiêu chuẩn hệ thống cấp khí y tế hiện hành. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	10
7	VT.26.28.07	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh được làm bằng nhựa y tế nguyên sinh, trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không ba via. - Dung tích: 50ml. - Đốc xy lanh thiết kế phù hợp, lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc (hoặc ml). - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn: FDA/CE, ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	100

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
8	VT.26.28.08	Bơm hút thai 1 van SVS-LF	- Cấu tạo bằng nhựa chuyên dùng trong y tế, thiết kế loại khóa 1 van; tương thích với các loại ống hút thai mềm dẻo các cỡ (hoặc tương đương). - Bơm hút chân không bằng tay dùng để hút thai, điều hòa kinh nguyệt và sinh thiết nội mạc tử cung. - Thể tích bơm: 60ml (hoặc tương đương), có chia vạch thể tích rõ ràng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	10
9	VT.26.28.09	Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện	- Xy lanh được làm bằng nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml - Đốc xy lanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối với dây nối bơm tiêm điện. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	50
10	VT.26.28.10	Bơm tiêm nhựa 10ml	- Xy lanh được làm bằng nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, dung tích 10 ml, có chia vạch rõ ràng. - Kim cỡ: 23G hoặc 25G. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	46.000
11	VT.26.28.11	Bơm tiêm nhựa 1ml	- Xy lanh được làm bằng nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, dung tích 1ml, có chia vạch rõ ràng. - Kim tiêm đi kèm: Cỡ kim 26G (hoặc tương đương). - Có thiết kế gioăng cao su (hoặc cấu tạo tương đương) giúp giảm thiểu khoảng chết; thể tích thuốc tồn dư (khoảng chết) ≤ 0,03ml. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	400
12	VT.26.28.12	Bơm tiêm nhựa 20ml	- Xy lanh được làm bằng nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, dung tích 20ml, có chia vạch rõ ràng. Đầu côn thiết kế lệch tâm thuận tiện cho việc đuổi khí. - Kim tiêm đi kèm: Cỡ kim 23G hoặc 25G. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.000
13	VT.26.28.13	Bơm tiêm nhựa 5ml	- Xy lanh làm bằng nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, dung tích 5 ml, có vạch chia rõ ràng. - Kim tiêm đi kèm: Cỡ kim 23G hoặc 25G. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	100.000
14	VT.26.28.14	Bông y tế không thấm nước	- Bông xơ tự nhiên 100%. - Không hút nước, không lẫn tạp chất. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Kg	2
15	VT.26.28.15	Bông y tế thấm nước	- Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Kg	70
16	VT.26.28.16	Canuyn Mayo các số	- Được làm từ chất liệu Polyethylene (PE) y tế không độc hại. Được dùng để duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê hoặc cấp cứu; - Thiết kế cong theo giải phẫu vòm họng, bề mặt láng mịn; - Các số (hoặc các cỡ) theo nhu cầu sử dụng. - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
17	VT.26.28.17	Chỉ Daclon Nylon 2/0, 3/0, 4/0	- Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide (Nylon). - Chiều dài sợi chỉ: ≥ 75cm. - Chỉ liên kim, kim các cỡ. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	84

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
18	VT.26.28.18	Chỉ tiêu liền kim số 1	- Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp, số 1 (hoặc số 1/0), chiều dài sợi chỉ: ≥ 90cm. - Chỉ liền kim thân tròn, kim được làm bằng thép không gỉ. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Vỉ	1.000
19	VT.26.28.19	Chỉ tiêu liền kim số 2	- Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp, số 2 (hoặc số 2/0), chiều dài sợi chỉ: ≥ 75cm. - Chỉ liền kim thân tròn, kim được làm bằng thép không gỉ. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Vỉ	120
20	VT.26.28.20	Chỉ tiêu liền kim số 3	- Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp, số 3 (hoặc số 3/0), chiều dài sợi chỉ: ≥ 75cm. - Chỉ liền kim thân tròn, kim được làm bằng thép không gỉ. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Vỉ	48
21	VT.26.28.21	Chỉ tiêu liền kim số 4	- Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp, số 4 (hoặc số 4/0), chiều dài sợi chỉ: ≥ 75cm. - Chỉ liền kim thân tròn, kim được làm bằng thép không gỉ. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Vỉ	48
22	VT.26.28.22	Cidex OPA hoặc tương đương	- Dung dịch khử khuẩn mức độ cao. - Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55%, Benzotriazole 0,01%, Chất ổn định sản phẩm: Dipotassium phosphate, Monopotassium phosphate pH 7,2 - 7,8, có test thử đi kèm. - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5-12 phút, tái sử dụng trong 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Diệt được hầu hết các loại vi sinh vật trong đó có Trực khuẩn lao (Mycobacterium bovis) - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Nhà sản xuất đạt các tiêu chuẩn: EC/CE, ISO 13485 hoặc tương đương.	Can	14
23	VT.26.28.23	Cloramin B	- Clo đạt ≥ 25%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Kg	100
24	VT.26.28.24	Cốc đựng đờm	- Được làm bằng nhựa PP hoặc tương đương chuyên dùng trong y tế, có nắp đậy chắc chắn, kín khít ngăn ngừa rò rỉ và phát tán mầm bệnh; thân cốc có nhãn ghi thông tin bệnh nhân và chia vạch dung tích, dung tích ≥30ml. - Được tiệt trùng.	Cái	1.000
25	VT.26.28.25	Cồn 90 độ	- Dung dịch lỏng, trong suốt, không màu. - Hàm lượng Ethanol ≥ 90%. - Dung tích: ≥ 500ml. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Chai	280
26	VT.26.28.26	Đầu côn vàng	- Dùng cắm vào pipet để hút mẫu làm xét nghiệm. - Dung tích: 200 ul (hoặc tương đương). - Làm từ nhựa y tế PP, không chứa tạp chất kim loại. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Cái	5.000
27	VT.26.28.27	Đầu côn xanh	- Dùng cắm vào pipet để hút mẫu làm xét nghiệm. - Dung tích: 1000 ul (hoặc tương đương). - Làm từ nhựa y tế PP, không chứa tạp chất kim loại. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	2.500

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
28	VT.26.28.28	Dầu Parafin	- Dạng lỏng, có mùi và màu đặc trưng của sản phẩm. - Dung tích: ≥ 10ml. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Ống	100
29	VT.26.28.29	Dầu sả	- Tinh dầu sả, chiết xuất từ thiên nhiên. - Dung dịch lỏng, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng của sả. - Dạng can, dung tích ≥ 30 lít.	Lít	90
30	VT.26.28.30	Dây cho ăn các cỡ	- Dây dẫn được làm từ nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Các cỡ: có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr) - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	150
31	VT.26.28.31	Dây garo	- Được làm bằng vải thun co giãn, độ đàn hồi tốt; đảm bảo không chứa Latex và không gây kích ứng da. - Được dùng để thắt mạch tạm thời để lấy máu, tiêm truyền hoặc thực hiện thủ thuật lâm sàng. - Chiều dài khoảng 40 - 45cm, rộng khoảng 2.5cm (hoặc tương đương) - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
32	VT.26.28.32	Dây hút nhớt các số	- Dây dẫn được làm từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút - Chiều dài dây dẫn: ≥ 55cm. - Các cỡ: 5-6-8-10-12-14-16-18 (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	500
33	VT.26.28.33	Dây thở oxy các cỡ	- Dây được làm từ nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi; lòng ống có khía chống gập - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi - Chiều dài dây dẫn: ≥ 2m. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	850
34	VT.26.28.34	Dây truyền dịch	- Dây được làm từ nhựa PVC nguyên sinh y tế trong suốt, mềm dẻo, có độ đàn hồi cao và chống gập gãy ống khi sử dụng. - Chiều dài dây dẫn: ≥ 1500mm. - Kim các cỡ. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	5.000
35	VT.26.28.35	Dây truyền dịch	- Dây được làm từ nhựa PVC nguyên sinh y tế, trong suốt, mềm dẻo, có khả năng chống gập gãy ống khi sử dụng. - Kim chai làm bằng nhựa ABS nguyên sinh, có van thoát khí kèm màng lọc vô khuẩn. - Khóa điều chỉnh dịch truyền làm bằng nhựa PP nguyên sinh, có thiết kế lỗ kẹp dây đảm bảo an toàn khi sử dụng - Chiều dài dây truyền dịch: ≥ 1700mm, đầu nối Luer lock chắc chắn. - Kim các cỡ. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	6.000
36	VT.26.28.36	Đè lưỡi gỗ sử dụng một lần	- Được làm từ gỗ tự nhiên tinh khiết, không mùi, không sử dụng hóa chất tẩy trắng độc hại. - Bề mặt phẳng, hai đầu bo tròn. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	5.000

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
37	VT.26.28.37	Dung dịch Natri clorid 0,9%	- Thành phần: Dung dịch Natri clorid nồng độ 0,9% (hoặc tương đương). - Dạng chai, thể tích ≥ 500ml (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	320
38	VT.26.28.38	Dung dịch rửa tay thường quy	- Dung dịch rửa tay thường quy chứa hoạt chất Chlorhexidine Digluconate (hoặc tương đương) chuyên dụng trong y tế. - Dung tích: Chai ≥ 1.000ml. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	200
39	VT.26.28.39	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	- Dung dịch sát khuẩn tay nhanh chứa hoạt chất Chlorhexidine Digluconate, Ethanol, Isopropyl alcohol và các chất phụ gia (hoặc các hoạt chất diệt khuẩn tương đương) chuyên dụng trong y tế. - Dung tích ≥ 500ml. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	360
40	VT.26.28.40	Gạc củ ấu sản khoa vô trùng	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Kích thước: 5cm x 5cm x 6 lớp (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Miếng	21.000
41	VT.26.28.41	Gạc meche phẫu thuật	- Gạc được dệt từ 100% sợi cotton tự nhiên, màu trắng, khả năng thấm hút cao; đảm bảo không chứa tinh bột hoặc Dextrin. - Kích thước: 3,5cm x 75cm x 6 lớp (hoặc tương đương); có sợi cản quang; - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	800
42	VT.26.28.42	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp vô trùng	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5g nước/1g gạc. - Kích thước: 10cm x 10cm x 12 lớp (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Miếng	17.000
43	VT.26.28.43	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40cm x 6 lớp, cản quang vô trùng	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5g nước/1g gạc. - Kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Miếng	1.000
44	VT.26.28.44	Găng tay dài sản khoa	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. - Các cỡ (size): 7.0-7.5. Chiều dài: ≥ 450mm, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89±5mm, size 7.5: 95 ± 5 mm; cường lực khi đứt trước lão hoá min ≥ 12.5N, sau lão hoá min ≥ 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min ≥ 700%, sau lão hóa min ≥ 550%. - Được tiệt trùng, đóng gói mỗi túi/đôi. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	600

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
45	VT.26.28.45	Găng tay kiểm tra các cỡ	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. - Các cỡ (size): S, M. Thuận cho cả tay phải và tay trái. - Độ dày tối thiểu 1 lớp ≥ 0,08mm; Chiều dài ≥ 220mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: ≥7,0 N, sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: ≥ 650%, sau già hóa: ≥ 500%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	100.000
46	VT.26.28.46	Găng tay tiệt trùng các cỡ	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Có phủ bột chống dính. - Bề dày: ≥ 0,18mm, Chiều dài: ≥ 280mm. Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: ≥ 12,5N, Sau lão hóa: ≥ 9,5N. Độ giãn đứt: Trước lão hóa: ≥ 700%, Sau lão hóa: ≥ 550%. - Các cỡ, đóng gói từng đôi, tay phải và tay trái riêng biệt. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Đôi	4.400
47	VT.26.28.47	Gel điện tim	- Gel chuyên dụng dùng máy điện tim. - Dạng gel gốc nước, độ nhớt cao, bám dính tốt, dễ lau sạch sau khi sử dụng. - Không chứa muối (không gây ăn mòn điện cực máy), độ pH trung tính an toàn cho da. - Dung tích ≥ 250ml. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Tuýp	16
48	VT.26.28.48	Gel siêu âm	- Gel dùng cho máy siêu âm. Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ tan trong nước và rửa sạch bằng nước thường. - Thành phần chính: Water, Carbomer, Glycerin, Sodium Benzoate... - Dung tích ≥ 5 lít. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Can	16
49	VT.26.28.49	Giá đỡ ống nghiệm	- Chất liệu: Inox không gỉ (hoặc tương đương). - Số lượng lỗ ≥ 20 lỗ. - Đường kính lỗ ≥ 23mm.	Cái	20
50	VT.26.28.50	Giấy điện tim 6 cần	- Giấy in chuyên dụng cho máy điện tim, loại tập hoặc cuộn tương thích với máy điện tim 6 cần. - Kích thước 110mm x 140mm. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Tập/cuộn	250
51	VT.26.28.51	Giấy in nhiệt	- Giấy in nhiệt chuyên dụng hoặc tương đương. - Chiều rộng: 5,5 cm. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	70
52	VT.26.28.52	Giấy in nhiệt 5cm	- Giấy in nhiệt chuyên dụng hoặc tương đương. - Chiều rộng: 5 cm. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	20
53	VT.26.28.53	Giấy Monitor sản khoa	- Giấy in chuyên dụng dùng cho Monitor sản khoa hoặc tương đương. - Kích thước: 150mm x 90mm, số lượng ≥ 150 tờ/tập. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Tập/cuộn	50
54	VT.26.28.54	Kẹp rốn	- Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	540
55	VT.26.28.55	Khẩu trang 3 lớp vô trùng	- Được làm bằng 3 lớp vải không dệt chuyên dùng trong y tế, có khả năng lọc khuẩn và kháng giọt bắn; dây quai đeo co giãn, êm ái. Có nẹp mũi bằng nhựa (hoặc tương đương) giúp định hình và giữ cố định khẩu trang; - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	10.000

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
56	VT.26.28.56	Khí oxy trong bình	- Khí nén chuyên dụng dùng trong y tế; Dung tích bình: 10 lít; Khí Oxy (O_2) ≥ 99,6%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bình	20
57	VT.26.28.57	Khí oxy trong bình	- Khí nén chuyên dụng dùng trong y tế; Dung tích bình: 40 lít; Khí Oxy (O_2) ≥ 99,6%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bình	560
58	VT.26.28.58	Kim cánh bướm các cỡ	- Kim được làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát sắc nhọn; có 2 cánh bướm bằng nhựa mềm; có đoạn dây nối ngắn bằng nhựa trong suốt, đầu đốc kim kết nối tiêu chuẩn Luer Lock/Luer Slip. - Kim các cỡ: Từ 22G đến 25G (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần, đóng gói riêng biệt. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	480
59	VT.26.28.59	Kim châm cứu các số	- Thân kim và đốc kim được làm bằng chất liệu thép y tế không gỉ, có độ cứng và độ dẻo phù hợp, dẫn điện tốt khi kết hợp với máy điện châm. Mũi kim sắc nhọn, láng mịn giúp xuyên da nhanh, giảm thiểu cảm giác đau cho người bệnh. - Các số (hoặc các cỡ bao gồm dải kích thước 0,3x25mm; 0,3x40mm; 0,3x75mm hoặc tương đương) theo nhu cầu sử dụng - Được tiệt trùng và sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	15.000
60	VT.26.28.60	Kim chọc dò gây tê tuỷ sống các cỡ	- Đầu kim 3 mặt vát dài (hoặc tương đương), sắc bén; chuôi kim bằng chất liệu trong suốt giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. - Kim các cỡ: 25G hoặc 27G (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Sản xuất từ các nước thuộc G7.	Cái	200
61	VT.26.28.61	Kim lấy thuốc các cỡ	- Được làm bằng thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn. - Kim các cỡ: 18G hoặc 20G (hoặc tương đương), đóng gói riêng biệt. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	80.000
62	VT.26.28.62	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các cỡ	- Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP. Kim có cánh có cửa tiêm thuốc. Đầu bảo vệ an toàn chất liệu PA,PC,PSF (hoặc tương đương). Đầu bịt an toàn chứa 2 lưỡi uốn cong đối diện nhau, tự động bắt chéo che đầu nhọn kim sau khi rút kim. Thời gian lưu kim ≥ 72h. - Kim các cỡ: Từ 14G đến 24G (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần, đóng gói riêng biệt. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. - Sản xuất từ các nước thuộc G7.	Cái	6.000
63	VT.26.28.63	Kim luồn tĩnh mạch các cỡ	- Chất liệu Catheter ETFE (hoặc tương đương), có chứa chất cản quang. - Kim các cỡ: Từ 14G đến 24G (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần.. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2.000
64	VT.26.28.64	Lọ đựng phân	- Được làm bằng chất liệu nhựa PP hoặc tương đương chuyên dùng trong y tế; có nắp đậy kín khít chống rò rỉ, có thìa/muỗng lấy mẫu bệnh phẩm gắn liền bên trong nắp hoặc thân lọ để thuận tiện khi lấy mẫu; Dung tích ≥ 60ml. - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.000

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
65	VT.26.28.65	Lưỡi dao mổ các cỡ	- Được làm bằng thép carbon không gỉ, độ sắc bén cao; tương thích với cán dao mổ y tế; - Các cỡ: - Được tiệt trùng, sử dụng một lần, đóng gói riêng biệt. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	200
66	VT.26.28.66	Mặt nạ thở Oxy không túi các cỡ	- Được làm bằng nhựa PVC nguyên sinh trong suốt, mềm dẻo; kẹp mũi co giãn điều chỉnh được, có dây đeo cố định. Bao gồm mặt nạ và dây dẫn khí có chiều dài ≥ 2m, không có túi. - Các cỡ: S, M, L (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần, đóng gói riêng biệt. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	200
67	VT.26.28.67	Mặt nạ xông khí dung các cỡ	- Được làm bằng nhựa PVC nguyên sinh trong suốt, mềm dẻo; kẹp mũi co giãn điều chỉnh được, có dây đeo cố định. Bao gồm: Mặt nạ, cốc đựng thuốc và dây dẫn khí có chiều dài ≥ 2m. - Các cỡ: S, M, L (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần, đóng gói riêng biệt. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	2.200
68	VT.26.28.68	Nhiệt kế đo thân nhiệt người	- Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. - Khoảng nhiệt độ đo được từ 35°C đến 42°C. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
69	VT.26.28.69	Ống chống đông EDTA	- Được làm bằng nhựa PP hoặc tương đương, kích thước: 12x75mm; nắp bằng nhựa LDPE. - Thành phần hóa chất chống đông: EDTA K2. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	16.000
70	VT.26.28.70	Ống chống đông Heparin	- Ống nghiệm được làm bằng nhựa PP hoặc tương đương, kích thước: 12x75mm; nắp bằng nhựa LDPE. - Thành phần hóa chất chống đông: Lithium Heparin. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	13.000
71	VT.26.28.71	Ống hút dịch phẫu thuật	- Được làm bằng nhựa PVC y tế nguyên sinh, dẻo dai và có độ đàn hồi cao. Bề mặt ngoài thân ống có rãnh chống bẹp, chống gập gãy, chịu được áp lực âm cao không bị bóp méo trong quá trình hút dịch; chiều dài ống ≥ 2m, có hai đầu nối kết nối chắc chắn với thiết bị. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	200
72	VT.26.28.72	Ống Natri citrat	- Được làm bằng nhựa PP hoặc tương đương, kích thước: 12x75mm; nắp bằng nhựa. - Thành phần hóa chất: Sodium Citrate 3.8% (hoặc Trisodium Citrate 3.8%); thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	2.500
73	VT.26.28.73	Ống nội khí quản có cớp các số	- Được làm bằng nhựa PVC dùng trong y tế; có bóng (có cớp); bóng thể tích lớn áp lực thấp; thân ống thiết kế độ cong sinh học, có đường cản quang đậm dọc thân ống; - Các số: Từ 2.0 đến 8.5 (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	30
74	VT.26.28.74	Ống nội khí quản mềm không cớp các số	- Được làm bằng nhựa PVC dùng trong y tế; không có bóng; thân ống thiết kế độ cong sinh học, có đường cản quang đậm dọc thân ống. - Các số: Từ 2.0 đến 8.5 (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
75	VT.26.28.75	Ống thông hậu môn	- Được làm bằng nhựa PVC y tế chuyên dụng, mềm dẻo, bề mặt láng mịn giúp giảm thiểu ma sát và tổn thương niêm mạc khi sử dụng. - Kích thước: Chiều dài dây ≥ 400mm; - Các cỡ: Từ số 22 đến 28 (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	30
76	VT.26.28.76	Phim XQ 20x25cm	- Phim khô laser cỡ 20x25cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Tờ	7.500
77	VT.26.28.77	Phim XQ 25x30cm	- Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Tờ	7.500
78	VT.26.28.78	Sonde dẫn lưu cao su	- Sonde dẫn lưu được làm từ cao su tự nhiên (Latex), có các lỗ dẫn lưu ở đầu ống. - Các cỡ: Từ 10Fr-16Fr (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
79	VT.26.28.79	Sonde Foley 2 nhánh các số	- Được làm từ cao su thiên nhiên (Latex), có 2 nhánh, không chứa chất độc hại DEHP. - Các số: 8Fr-16Fr (hoặc tương đương) - Được tiệt khuẩn, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	100
80	VT.26.28.80	Sonde Nelaton các số	- Được làm từ cao su thiên nhiên; thiết kế có lỗ bên giúp dẫn lưu nhanh; Chiều dài của ống ≥ 40cm. - Các số: 8Fr-12Fr (hoặc tương đương). - Được tiệt khuẩn, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	120
81	VT.26.28.81	Tấm trải nilon vô trùng	- Được làm từ màng nylon HD, màu trắng trong, - Kích thước: ≥ 100cm x 130cm (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần.	Cái	400
82	VT.26.28.82	Tạp dề đỡ đẻ	- Được làm từ vải không dệt hoặc nhựa PE chuyên dùng trong y tế, đảm bảo độ dai, chống thấm máu và dịch tuyệt đối. - Đóng gói riêng biệt từng cái trong túi y tế có mực hoặc vạch chỉ thị tiệt trùng. - Bề mặt phẳng đều, không bị rách thủng, che phủ thân người, an toàn và không gây kích ứng da. - Kích thước: ≥ 80cm x 120cm (hoặc tương đương). - Được tiệt trùng, sử dụng một lần	Cái	400
83	VT.26.28.83	Tay dao điện	- Đầu có 3 giắc kết nối, chiều dài dây dẫn: ≥ 3m (hoặc tương đương). - Cấu tạo dạng cây viết, có đầu lắp lưỡi dao mổ tiêu chuẩn. Trên thân tay dao có 2 nút bấm điều khiển độc lập cho chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG). - Được tiệt trùng. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
84	VT.26.28.84	Than hoạt	- Thành phần chính: Than hoạt tính dạng bột mịn, màu đen, có độ tinh khiết cao, khả năng hấp phụ tốt. - Được dùng trong y tế để pha hỗn dịch uống hoặc bơm qua ống thông dạ dày nhằm hấp phụ các chất độc, độc tố trong cấp cứu.	Kg	2

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
85	VT.26.28.85	Túi nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Được tiệt trùng, sử dụng một lần. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	200
86	VT.26.28.86	Viên khử khuẩn	- Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm và gram dương, bao gồm cả Staphylococcus kháng Methicillin (MRSA). - Viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2,5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Viên	4.000
III	**PHẦN 3: HUYẾT THANH MẪU**				
1	HTM.26.28.01	Huyết thanh định nhóm máu A (Anti A)	;- Chất thử định nhóm máu A, thuộc phân nhóm IgM chuyên dùng định nhóm máu hệ ABO. - Định tính bằng phương pháp thủ công (hoặc tương đương). - Lọ ≥ 10ml (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	4
2	HTM.26.28.02	Huyết thanh định nhóm máu B (Anti B)	- Chất thử định nhóm máu B, thuộc phân nhóm IgM chuyên dùng định nhóm máu hệ ABO. - Định tính bằng phương pháp thủ công (hoặc tương đương). - Lọ ≥ 10ml (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	4
3	HTM.26.28.03	Huyết thanh định nhóm máu AB (Anti AB)	- Chất thử định nhóm máu AB, thuộc phân nhóm IgM chuyên dùng định nhóm máu hệ ABO. - Định tính bằng phương pháp thủ công (hoặc tương đương). - Lọ ≥ 10ml (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	4
4	HTM.26.28.04	Huyết thanh định nhóm máu D Rh (Anti D Rh)	- Chất thử định nhóm máu Anti-D, Kháng thể đơn dòng gồm phân nhóm IgM và IgG, dẫn xuất từ tế bào dòng lai (hoặc tương đương). - Định tính bằng phương pháp thủ công (hoặc tương đương). - Lọ ≥ 10ml (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	2
IV	**PHẦN 4. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC CONVERGYS X3**				
1	HC.HH.X3.26.28.01	Dung dịch pha loãng	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Conversys X3 hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 20 Lít (hoặc tương đương). - Thành phần: Natri Clorua; Chất đệm; Chất bảo quản; Chất ổn định; Còn lại là nước không I-on. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Thùng	12
2	HC.HH.X3.26.28.02	Dung dịch phá vỡ hồng cầu 3 thành phần	''- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Conversys X3 hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 1 Lít (hoặc tương đương). - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất bảo quản; Chất ổn định; Còn lại là nước không I-on. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	10

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
3	HC.HH.X 3.26.28.03	Dung dịch rửa máy	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Conversys X3 hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 1 Lít (hoặc tương đương). - Thành phần: Chất tẩy rửa; Chất đệm; Chất bảo quản; Chất ổn định; Còn lại là nước không I-on. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai	8
4	HC.HH.X 3.26.28.04	Dung dịch rửa máy đậm đặc	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Conversys X3 hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 100ml (hoặc tương đương). - Thành phần hóa học: Chất tẩy rửa; Natri Hipoclorit; Natri Hydroxit; Chất ổn định. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	2
5	HC.HH.X 3.26.28.05	Mẫu máu chuẩn máy 3 thành phần	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Conversys X3 hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 3 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Máu toàn phần người và chất bảo quản. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	6
V	**PHẦN 5. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG MINDRAY BS-300; AX-300**				
1	HC.SH.26 .28.01	Chất rửa thường quy máy xét nghiệm sinh hóa	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: ≥ 1000 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Hoạt chất tẩy rửa được dùng để pha cùng nước cất, tạo thành dung dịch tẩy rửa hệ thống thiết bị xét nghiệm ISE. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	5
2	HC.SH.26 .28.02	Chất nội kiểm chất lượng đa thông số mức bình thường xét nghiệm sinh hóa	'- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: ≥ 20ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Hoạt chất được tạo từ huyết tương người đã loại bỏ Fibrin và được làm đông khô. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	24
3	HC.SH.26 .28.03	Hóa chất định lượng Albumin trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R ≥ 300 ml (hoặc tương đương). - Thuốc thử gồm: Bromocresol Green (BCG), Succinate (Succinate buffer); Polyoxyethylene sorbitan hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Albumin trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5
4	HC.SH.26 .28.04	Hóa chất định lượng ALT /GPT trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 182 ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 20 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: + Thuốc thử 1 gồm: TRIS buffer pH, L-Alanine, LDH, 2-Oxoglutarate, Sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng ALT/GPT trong máu. + Thuốc thử 2 gồm: TRIS buffer pH, NADH, Sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng ALT/GPT trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	20

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
5	HC.SH.26.28.05	Hóa chất định lượng Amylase trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R: ≥ 150ml (hoặc tương đương) - Thành phần: Thuốc thử gồm: CNPG3, Sodium Chloride, Calcium acetate, Potassium sulphacyanide, Sodium Azide, MES pH hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Amylase trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	9
6	HC.SH.26.28.06	Hóa chất định lượng AST/GOT trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 182 ml (hoặc tượng đương); R2 ≥ 20 ml (hoặc tương đương) - Thành phần: + Thuốc thử 1 gồm: TRIS buffer pH; L-Aspartate; MDH; LDH; 2-Oxoglutarate; Sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng AST/GOT trong máu. - Thuốc thử 2: TRIS buffer pH; NADH; Sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng AST/GOT trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	20
7	HC.SH.26.28.07	Hóa chất định lượng Axít Uric trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 162 ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 42 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: + Thuốc thử 1 gồm: Good's buffer pH; 3,5-diclorophnolsulphonate; Ascorbate Oxidase; Sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Axít Uric trong máu. + Thuốc thử 2 gồm: Good's buffer pH; 4-Aminophenazone; Uricase; Peroxidase (POD); Sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Axít Uric trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	10
8	HC.SH.26.28.08	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn Phần trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 158 ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 40 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: + Thuốc thử 1 gồm: Sulphanilic Acid; Cetrimide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Bilirubin toàn Phần trong máu. + Thuốc thử 2 gồm: Sodium Nitrite hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Bilirubin toàn Phần trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5
9	HC.SH.26.28.09	Hóa chất định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 178ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 46ml (hoặc tương đương) - Thành phần: + Thuốc thử 1: Sulphanilic Acid hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu. + Thuốc thử 2: Sodium Nitrite hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Bilirubin trực tiếp trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	7

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
10	HC.SH.26.28.10	Hóa chất định lượng Calcium toàn Phần trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R ≥ 300ml (hoặc tương đương) - Thành phần: Thuốc thử gồm: Imidazol buffer pH; Arsenazo III hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Calcium toàn Phần trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	4
11	HC.SH.26.28.11	Hóa chất định lượng Cholesterol trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R ≥ 300ml (hoặc tương đương) - Thành phần thuốc thử gồm: PIPES Buffer pH 6.7; Hydroxybenzoate (HBA); 4-Aminophenazone; Cholesterol esterase (CE); Cholesterol oxidase (CO); Peroxidase (POD); Sodium Azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Cholesterol trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	7
12	HC.SH.26.28.12	Hóa chất định lượng CK-MB trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 80ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 20ml (hoặc tương đương). - Thành phần: + Thuốc thử 1: Imidazole buffer pH; D- glucose; NADP; Hexokinase; EDTA-Na2; sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng CK-MB trong máu. + Thuốc thử 2: Imidazole buffer pH; creatine phosphate; ADP; G6PDH; sodium azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng CK-MB trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5
13	HC.SH.26.28.13	Hóa chất định lượng CK-NAC trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 200ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 40ml (hoặc tương đương). - Thành phần: + Thuốc thử 1: Imidazole pH ≥ 8,0; D-Glucose; EDTA; Hexokinase HK ≥ 8kU/L; + Thuốc thử 2: Creatine phosphate; ADP; Glucose-6-phosphate dehydrogenase; G-6-PDH ≥ 3U/L; Diadenosine pentaphosphate; AMP; Tris pH ≥ 3,8; N-Acetyl-L-Cysteine; Magnesium acetate; NADP; - Dải tuyến tính: 1,6 - 2.000U/L; - Bước sóng: 340nm; - Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5
14	HC.SH.26.28.14	Hóa chất định lượng Creatinine trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 200ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 20ml (hoặc tương đương) - Thành phần: + Thuốc thử 1: Picric Acid hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định Creatinine trong máu. + Thuốc thử 2: Sodium hydroxide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Creatinine trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	16

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
15	HC.SH.26.28.15	Hóa chất định lượng GGT trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 162ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 42ml (hoặc tương đương) - Thành phần: + Thuốc thử 1: y-glutamyl-3-carboxi-4-nitroanilide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng GGT trong máu. + Thuốc thử 2: Glycylglycine hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng GGT trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	7
16	HC.SH.26.28.16	Hóa chất định lượng Glucose trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R ≥ 300 ml (hoặc tương đương). - Thuốc thử gồm: Phosphate Buffer pH; Phenol; 4-Aminophenazone; Glucose Oxidase (GOD); Peroxidase (POD); Sodium Azide hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Glucose trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	24
17	HC.SH.26.28.17	Hóa chất định lượng HDL Cholesterol	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 60ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 20ml (hoặc tương đương) - Thành phần: + Thuốc thử 1: Good's Buffer pH; HDAOS hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng HDL Cholesterol. + Thuốc thử 2: Good's Buffer; Cholesterol esterase (CE); Cholesterol oxidase (CO); Peroxidase (POD); 4-aminoantipyrine (4-AA) hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng HDL Cholesterol. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	4
18	HC.SH.26.28.18	Hóa chất định lượng Iron	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 140ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 10ml (hoặc tương đương) - Thành phần: + Thuốc thử 1: acetate buffer Ph; guanidine hydrochloride; copper specific masking agent hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Iron. + Thuốc thử 2: ferene S; ascorbic acid hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Iron. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	1
19	HC.SH.26.28.19	Hóa chất định lượng LDL Cholesterol	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 30ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 10ml (hoặc tương đương) - Thành phần: + Thuốc thử 1: Good's Buffer; HDAOS* hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng LDL Cholesterol. + Thuốc thử 2: Good's Buffer; Cholesterol esterase (CE); Cholesterol oxidase (CO); Peroxidase (POD); 4-aminoantipyrine (4-AA) hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng LDL Cholesterol. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
20	HC.SH.26.28.20	Hóa chất định lượng Protein toàn phần trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R ≥ 300 ml (hoặc tương đương). - Thuốc thử gồm: Sodium hydroxide; Potassium iodide; Copper sulphate; K-Na tartrate hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Protein toàn phần trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5
21	HC.SH.26.28.21	Hóa chất định lượng Triglycerides trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R ≥ 300 ml (hoặc tương đương). - Thuốc thử gồm: PIPES buffer pH; Adenosine-triphosfate (ATP); Lipoprotein-lipase (LPL); Magnesium ions; Glicerol-chinase (GK); Glycerol-3 phosphate-oxidase (GPO); Sodium Azide (NaN3); Ethyl-sulfopropyl-toluidine (ESPT); 4-Aminophenazone; Peroxidase (POD) hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Triglycerides trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	8
22	HC.SH.26.28.22	Hóa chất định lượng Urea trong máu	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R1 ≥ 200ml (hoặc tương đương); R2 ≥ 50ml (hoặc tương đương). - Thành phần: + Thuốc thử 1: Good's Buffer pH; Adenosine-diphosphate (ADP); Urease; Glutamate-dehydrogenase (GLDH) hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Urea trong máu. + Thuốc thử R2: Good's Buffer pH; α-ketoglutarate (α-KG); NADH hoặc tương đương với nồng độ thích hợp để đảm bảo định lượng Urea trong máu. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	16
23	HC.SH.26.28.23	Chất nội kiểm chất lượng đa thông số mức thấp xét nghiệm sinh hóa	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. Được dùng để nội kiểm chất lượng đa thông số mức thấp xét nghiệm sinh hóa. - Dung tích: R ≥ 20ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Hoạt chất được tạo từ huyết tương người đã loại bỏ Fibrin và được làm đông khô. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	12
24	HC.SH.26.28.24	Dung dịch Calib	- Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động Mindray BS-300, AX-300 hoặc tương đương. - Dung tích: R ≥ 3ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Máu người toàn phần với giá trị đã xác định được. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	5
VI	**PHẦN 6. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY ĐIỆN GIẢI HYCEL (HY-LYTE 300)**				
1	HC.ĐG.26.28.01	Chất rửa khử Protein hệ thống xét nghiệm điện giải đồ	- Tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. Được dùng để làm sạch và bảo trì các ống phân tích điện giải và điện cực. - Dung tích ≥ 50 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: NaClo; Cl2 hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5
2	HC.ĐG.26.28.02	Chất rửa thường quy hệ thống xét nghiệm điện giải đồ	- Tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. - Dung tích: ≥ 250 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion, dung dịch đệm ion đậm đặc cao, chất đệm hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	5

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
3	HC.ĐG.26.28.03	Hóa chất điện giải đồ Ion	- Tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. - Dung tích: ≥ 550ml (hoặc tương đương). - Thành phần: + Thuốc thử A; K+: 1,1%; Na+: 57,0%; Cl-: 40,5%; Ca2+: 0,5%; Li+: 0,4%; Mg2+: 0,5% hoặc tương đương. + Thuốc thử B: K+: 4,0%; Na+: 57,5%; Cl-: 36,5%; Ca2+: 1,3%; Li+: 0,3%; Mg2+: 0,4% hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	26
4	HC.ĐG.26.28.04	Điện cực K	- Điện cực phân tích K+ tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	2
5	HC.ĐG.26.28.05	Điện cực Na	- Điện cực phân tích Na+ tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	2
6	HC.ĐG.26.28.06	Điện cực CL	- Điện cực Cl- tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	2
7	HC.ĐG.26.28.07	Điện cực tham chiếu	- Điện cực tham chiếu tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	2
8	HC.ĐG.26.28.08	Dây bơm cho máy xét nghiệm điện giải	- Dây bơm tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	3
9	HC.ĐG.26.28.09	Hóa chất nội kiểm chất lượng xét nghiệm điện giải đồ	- Tương thích với máy điện giải Hycel (Hy-lyte 300) hoặc tương đương. Được dùng để nội kiểm chất lượng xét nghiệm điện giải đồ. - Dung tích: ≥ 30ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Kali clorua, natri clorua, natri hydroxit, natri axetat, canxi axetat monohydrat, hai phân tử nước của liti axetat, MOPS hoặc tương đương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	2
VII	**PHẦN 7. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY ĐÔNG MÁU BÁN TỰ ĐỘNG CL ANALYZER**				
1	HC.ĐM.26.28.01	Hóa chất định lượng thời gian đông máu APTT	- Tương thích với máy đông máu bán tự động CL Analyzer hoặc tương đương. - Thuốc thử xét nghiệm định lượng thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT). - Thuốc thử chứa cephalin với axit ellagic làm chất hoạt hóa hòa tan. Calcium Chloride: Dung dịch canxi clorua ổn định 0,025 mol/L. - Dung tích: Reagent ≥ 15ml (hoặc tương đương); Calcium Chloride ≥ 15ml (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	6
2	HC.ĐM.26.28.02	Hóa chất định lượng thời gian đông máu PT	- Tương thích với máy đông máu bán tự động CL Analyzer hoặc tương đương. - Thành phần: Thromboplastin não thỏ đông khô với nồng độ cuối cùng là 10 mM canxi clorua. - Dung tích ≥ 20 ml (hoặc tương đương). - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	4
VIII	**PHẦN 8. HÓA CHẤT DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC MINDRAY BC-760B**				
1	HC.HH.BC.26.28.01	Dung dịch ly giải	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-760B hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 4 Lít (hoặc tương đương). - Thành phần: Surfactant ≤ 0,5%; Hepes Buffer ≤ 0,5%; - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	14

Được quét bằng CamScanner

STT	MHH	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
2	HC.HH.BC.26.28.02	Dung dịch ly giải	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-760B hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 4 Lít (hoặc tương đương). - Thành phần: Surfactant ≤ 0,5%; Borate Buffer ≤ 0,5%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	7
3	HC.HH.BC.26.28.03	Dung dịch nhuộm các tế bào bạch cầu	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-760B hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 48 ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Fluorochrome ≤ 0,01%; Ethylene Glycol: 94-99%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	16
4	HC.HH.BC.26.28.04	Dung dịch pha loãng	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-760B hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 20 Lít (hoặc tương đương). - Thành phần: Borate Buffer ≤ 0,5%; Sodium Chloride ≤ 0,1%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Thùng	40
5	HC.HH.BC.26.28.05	Dung dịch rửa kim	'- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-760B hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 50 ml (hoặc tương đương). - Thành phần gồm: Surfactant ≤ 0,2%; Sodium hypochlorite ≤ 12%; Sodium hydroxide ≤ 5%. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	12
6	HC.HH.BC.26.28.06	Dung dịch chuẩn máy	- Tương thích với máy xét nghiệm huyết học Mindray BC-760B hoặc tương đương. - Dung tích ≥ 3ml (hoặc tương đương). - Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, chất ổn định và bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương. - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ	2

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục 2

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo yêu cầu báo giá số 723/YCBG-TTYT ngày 28/10/2026 của Trung tâm Y tế Mường Lay)

BÁO GIÁ

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Mường Lay, chúng tôi…[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá…(Ghi tên thành phần báo giá) như sau:

1. Báo giá cho…(Ghi tên thành phần báo giá)

Stt	Tên.....(Ghi tên thành phần báo giá)	Tên thương mại	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Tuổi thọ, hạn dùng (tháng) hoặc năm sản xuất	Số GPLHSP hoặc GPNK (nếu có)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền
1												

(Lưu ý: Ngoài các cột theo biểu mẫu trên nhà thầu có thể thêm cột để bổ sung một số thông tin phù hợp khác theo đúng quy định của hàng hóa).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:…ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày], kể từ ngày báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày...tháng...năm...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)

Được quét bằng CamScanner